

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH THỦY**

Số: 19/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Vĩnh Thủy, ngày 31 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách
địa phương năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĨNH THỦY
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự án chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên các địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao chi tiết dự toán năm 2026 cho các cơ quan đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/01/2026 của HĐND xã Vĩnh Thủy về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Xét Tờ trình số 1733/TTr-UBND ngày 23/7/2026 của Ủy ban nhân dân xã về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; Ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026
(Chi tiết theo Biểu số 15, 16, 17, 34 đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND xã khóa II, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đảng ủy, Ban thường vụ Đảng ủy xã;
- TT HĐND;
- CT, các PCT UBND xã;
- Ban TT UBMTTQVN xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hà

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 19/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của HĐND xã Vĩnh Thủy)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán xã giao năm 2026 theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/01/2026	Dự toán điều chỉnh theo Nghị quyết này	Chênh lệch (tăng, giảm)
A	B	1	2	3=2-1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	153.590,352	154.793,952	1.203,600
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	18.775,352	19.978,952	1.203,600
-	Thu NSDP hưởng 100%	5.130,000	5.130,000	-
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	13.645,352	14.848,952	1.203,600
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	134.815,000	134.815,000	-
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	88.282,000	88.282,000	-
2	Thu bổ sung có mục tiêu	46.533,000	46.533,000	-
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			-
IV	Thu kết dư			-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	-	-
VI	Thu từ NS cấp dưới nộp lên			-
B	TỔNG CHI NSDP	153.590,352	154.793,952	1.203,600
I	Tổng chi cân đối NSDP	107.057,352	108.260,952	1.203,600
1	Chi đầu tư phát triển (1)	11.677,352	12.880,952	1.203,600
2	Chi thường xuyên	93.238,000	93.238,000	-
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)			-
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)			-
5	Dự phòng ngân sách	2.142,000	2.142,000	-
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			-
II	Chi các chương trình mục tiêu	46.533,000	46.533,000	-
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			-
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	46.533,000	46.533,000	-
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau			-
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên			-
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)			-
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)			-
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			-
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh			-
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)			-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số: 19/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của HĐND xã Vĩnh Thủy)

DVT: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán xã giao năm 2026 theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/01/2026		Dự toán điều chỉnh theo Nghị quyết này		Chênh lệch (tăng, giảm)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3-1	6=4-2
	TỔNG THU NSNN	24.717,920	18.775,352	26.723,920	19.978,952	2.006,000	1.203,600
I	Thu nội địa	24.717,920	18.775,352	26.723,920	19.978,952	2.006,000	1.203,600
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý					0,000	0,000
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý					0,000	0,000
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					0,000	0,000
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4.209,000	4.209,000	4.209,000	4.209,000	0,000	0,000
5	Thuế thu nhập cá nhân	380,000	380,000	380,000	380,000	0,000	0,000
6	Thuế bảo vệ môi trường					0,000	0,000
7	Lệ phí trước bạ	4.445,000	4.445,000	4.445,000	4.445,000	0,000	0,000
8	Thu phí, lệ phí	215,000	215,000	215,000	215,000	0,000	0,000
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5,000	5,000	5,000	5,000	0,000	0,000
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	225,000	192,000	225,000	192,000	0,000	0,000
11	Thu tiền sử dụng đất	14.773,920	8.864,352	16.779,920	10.067,952	2.006,000	1.203,600
12	Thu khác ngân sách	65,000	65,000	65,000	65,000	0,000	0,000
13	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	400,000	400,000	400,000	400,000	0,000	0,000
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
IV	Thu viện trợ						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 19/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của HĐND xã Vĩnh Thủy)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán xã giao năm 2026 theo Nghị quyết số 02/NQ- HĐND ngày 10/01/2026	Dự toán điều chỉnh theo Nghị quyết này	Chênh lệch (tăng, giảm)
A	B	1	2	3=2-1
	TỔNG CHI NSDP	153.590,352	154.793,952	1.203,600
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	107.057,352	108.260,952	1.203,600
I	Chi đầu tư phát triển (1)	11.677,352	12.880,952	1.203,600
1	Chi đầu tư cho các dự án	11.677,352	12.880,952	1.203,600
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			0,000
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	414,000	414,000	0,000
-	Chi khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo	290,000	290,000	0,000
-	Chi lĩnh vực kinh tế	10.973,352	12.176,952	1.203,600
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			0,000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	8.794,350	8.794,350	0,000
-	Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	2.883,000	2.883,000	0,000
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	93.238,000	93.238,000	0,000
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	51.664,000	51.664,000	0,000
2	Chi khoa học và công nghệ (2)	306,000	306,000	0,000
III	Dự phòng ngân sách	2.142,000	2.142,000	0,000
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	46.533,000	46.533,000	0,000
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	46.533,000	46.533,000	0,000
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 19/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của HĐND xã Vĩnh Thụy)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán xã giao năm 2026 theo Nghị quyết số 02/NQ- HĐND ngày 10/01/2026	Dự toán điều chỉnh theo Nghị quyết này	Chênh lệch (tăng, giảm)
A	B	1	2	3=2-1
TỔNG CHI NSDP		153.590,352	154.793,952	1.203,600
I	Chi đầu tư phát triển	11.677,352	12.880,952	1.203,600
1	Chi đầu tư cho các dự án	11.677,352	12.880,952	1.203,600
-	Chi quốc phòng			0,000
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	414,000	414,000	0,000
-	Chi khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo	290,000	290,000	0,000
-	Chi các hoạt động kinh tế	10.973,352	12.176,952	1.203,600
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế,			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	93.238,000	93.238,000	0,000
-	Chi quốc phòng	228,162	228,162	0,000
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	228,162	228,162	0,000
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	51.314,868	51.314,868	0,000
-	Chi khoa học công nghệ	306,000	306,000	0,000
-	Chi y tế, dân số và gia đình	4.650,212	4.650,212	0,000
-	Chi văn hóa thông tin	206,530	206,530	0,000
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	117,031	117,031	0,000
-	Chi thể dục thể thao	115,960	115,960	0,000
-	Chi bảo vệ môi trường	394,369	394,369	0,000
-	Chi các hoạt động kinh tế	6.559,589	6.559,589	0,000
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	18.654,837	18.654,837	0,000
-	Chi bảo đảm xã hội	9.838,587	9.838,587	0,000
-	Chi thường xuyên khác	623,686	623,686	0,000
III	Dự phòng ngân sách	2.142,000	2.142,000	0,000
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
IV	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	46.533,000	46.533,000	0,000